DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 1407/QĐ-ĐHHL, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8
1	Trần Thị Lâm	04/03/2003	K7.HQ3B	Ngoại ngữ	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
2	Hoàng Thị Phương Nhung	20/08/2004	K8.HQ4A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Tràng Lương, Đông Triều, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
3	La Mạnh Dũng	19/07/2004	K8.HQ4B	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Kiên Lao, Lục Ngạn, Bắc Giang	140.000	6	840.000
4	Đỗ Thị Kiều Linh	10/07/2004	K8.HQ4B	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Vũ Oai, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
5	Nông Anh Thơ	17/07/2004	K8.HQ4C	Ngoại ngữ	DT Tày - KV II Miền núi, Cao Lâu, Cao Lộc, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
6	Hà Thị Thịnh	01/04/2004	K8.HQ4C	Ngoại ngữ	DT Nùng - KV I Miền núi, Thụy Hùng, Cao Lộc, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
7	Tráng A Sơn	08/12/2005	K9.HQ5B	Ngoại ngữ	DT H' mông - KV IIII Miền núi, Thụy Hùng, Cao Lộc, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
8	Vi Ánh Nguyệt	23/06/2003	K7.NB6A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Tràng Lương, Đông Triều, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
9	Đặng Văn Việt	25/06/2003	K7.NB6B	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Sơn, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
10	Hà Hoàng Khuê	15/07/2004	K8.NB7A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
11	Lý Thị Linh Linh	25/09/2003	K7.TQ7C	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Tân Dân, Hạ Long,Quảng Ninh	140.000	6	840.000
12	Tô Thị My	24/02/2003	K7.TQ7D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
13	Hoàng Thị Nghiệp	04/01/2003	K7.TQ7D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
14	Hoàng Thị Trang	13/12/2003	K7.TQ7D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
15	Hoàng Thị Trà	13/03/2002	K7.TQ7E	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
16	Tằng Nhật Tiềm	04/01/2003	K7.TQ7E	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng Đức, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
17	Hoàng Thị Hằng	31/07/2003	K7.TQ7F	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
18	Linh Thị Hoài	07/02/2003	K7.TQ7F	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Tân Dân, Hạ Long,Quảng Ninh	140.000	6	840.000
19	Hoàng Thị Minh Thư	03/03/2003	K7.TQ7F	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
20	Loan Thị Thùy Duyên	16/06/2003	K7.TQ7G	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
21	Nông Thị Hằng	16/04/2003	K7.TQ7G	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
22	Đinh Thị Kiều Trinh	26/08/2003	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV III Miền núi, Vân Trình, Thạch An, Cao Bằng	140.000	6	840.000
23	Nguyễn Hoàng Linh	09/10/2003	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
24	Đặng Thị Hòa	24/09/2003	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
25	Bùi Thị Hiên	17/05/2003	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Tràng Lương, Đông Triều, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
26	Trần Văn Khiêm	13/11/2002	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Phong Dụ, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
27	La Võ Thiên	18/10/2003	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Quảng An, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
28	Hà Thúy Diệp	11/01/2004	K8.TQ8A	Ngoại ngữ	DT Mường - KV I Miền núi, Tú Lý, huyện Đà Bắc, Hòa Bình	140.000	6	840.000
29	Vi Thị Lan	08/09/2004	K8.TQ8B	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
30	Trương Đức Thắng	25/02/2004	K8.TQ8B	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Vạn Yên, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
31	Tằng Mạnh Sơn	10/10/2004	K8.TQ8B	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Hà Lâu, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
32	Hoàng Thị Trang	09/09/2004	K8.TQ8D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
33	La Thị Ngọc Yến	04/08/2004	K8.TQ8D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
34	Tòng Thị Thu Hiền	11/12/2004	K8.TQ8D	Ngoại ngữ	DT Thái - KV III Miền núi, Quài Tở, Tuần Giáo, Điện Biên	140.000	6	840.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
35	Hoàng Thị Lan	07/05/2004	K8.TQ8D	Ngoại ngữ	DT Nùng - KV I Miền núi, Tam Dị, Lục Nam, Bắc Giang	140.000	6	840.000
36	La Thu Hà	27/08/2004	K8.TQ8E	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
37	Hoàng Thị Ngọc Như	20/10/2004	K8.TQ8E	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I MN, Vũ Oai, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
38	Nguyễn Thị Thùy Dung	04/08/2004	K8.TQ8A	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Kim Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	140.000	6	840.000
39	Làu Giáng Hương	21/08/2004	K8.NA8B	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Quảng Lâm, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
40	Lầu Thị Sênh	29/02/2004	K8.NA8B	Ngoại ngữ	DT Mông - KV III Miền núi, Tênh Phông, Tuần Giáo, Điện Biên	140.000	6	840.000
41	Trần Thị Thủy Tiên	30/10/2004	K8.NA8D	Ngoại ngữ	DT Thái - KV III Miền núi, Nậm Kè, Mường Nhé, Điện Biên	140.000	6	840.000
42	Hoàng Thị Đạt	17/12/2003	K7.LH7B	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
43	Bế Việt Anh	29/08/2003	K7.LH7A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
44	Tô Thu Hoài	21/02/2004	K8.LH8A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
45	Loan Thế Khải	19/10/2004	K8.LH8A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
46	Phoòng Thị Hà	09/10/2004	K8.LH8B	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Nam Sơn, Ba chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
47	Hoàng Thị Thu Trang	07/08/2003	K8.LH8C	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
48	Đặng Gia Khánh	15/08/2004	K8.LH8C	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
49	Phạm Tuấn Đạt	22/05/2004	K8.LH8C	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng La, Hạ long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
50	Loan Thị Lý	25/05/2004	K8.LH8B	Du lịch	DT Tày- KV III Miền núi, An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang	140.000	6	840.000
51	Bế Văn Xuân	25/11/2003	K7.AU4A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
52	Vy Thành Nam	14/09/2003	K7.AU4A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
53	Dịp Ngọc An	13/01/2003	K7.AU4B	Du lịch	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Tân Bình, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
54	Bùi Văn Nhất	17/02/2003	K7.AU4B	Du lịch	DT Mường - KV I Miền núi, Yên Quang, Nho Quan, Ninh Bình	140.000	6	840.000
55	Trần Thị Kim Sinh	03/01/2004	K8.AU5A	Du lịch	DT Hoa - KV I Miền núi, Xã Đài Xuyên, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
56	Đặng Văn Quảng	26/03/2004	K8.AU5A	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Lâm, Hạ long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
57	Hoàng Thị Ngọc Ánh	24/09/2004	K8.AU5B	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Hà Lâu, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
58	Hà Ngọc Sơn	01/12/2004	K8.AU5B	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
59	Vi Thị Nhung	21/08/2004	K8.AU5B	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Hà Lâu, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
60	Hoàng Thế Cường	17/07/2004	K8.KS7C	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
61	Bàn Văn Mạnh	14/12/2004	K8.QK1B	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Tân Dân, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
62	Ma Văn Pao	26/07/2000	K7.VH7	Văn hóa	DT Tày - KV III Miền núi, Đồng Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn	140.000	6	840.000
63	Hà Thị Thắm	30/04/2003	K7.VH7	Văn hóa	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
64	Hoàng Văn Khởi	25/07/2001	K7.VH7	Văn hóa	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
65	Síu Văn Chung	30/12/2004	K8.KM8B	CNTT	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Quảng Lâm, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
66	Đặng Văn Quân	10/08/2004	K8.ĐH1A	CNTT	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Lâm, Hạ long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
67	Hoàng Thành Đạt	14/11/2004	K8.ĐH1A	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Điền Xá, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
68	Trương Thị Thu Hiền	15/10/2003	K7.STH1A	Sư phạm	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Vạn Yên, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
69	La Thị Việt Anh	31/01/2003	K7.STH1A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
70	Sái Thị Xuân	02/06/2003	K7.STH1A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Phong Dụ, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
71	Chu Nhật Giang	23/10/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Vạn Yên, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
72	Trương Thị Ngọc Thương	06/02/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng La, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
73	Hà Thị Thu Hoan	07/12/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
74	Đặng Thùy Linh	15/12/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Hải Sơn, Móng cái, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
75	Lâm Thị Trường	05/01/2003	K7.STH1C	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Thanh Lâm, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
76	Trần Thị Mai Hương	16/08/2003	K7.STH1C	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
77	Ngô Thúy Sen	10/12/2003	K7.STH1C	Sư phạm	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Bình Dân, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
78	Đặng Thùy Linh	02/11/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Sơn, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
79	Chìu Hương Lan	28/05/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Thanh Sơn, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
80	Lý Thị Loan	11/10/2003	K7.STH1B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Nam Sơn, Ba chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
81	Lý Thị Ngọc Xuyến	20/11/2003	K7.STH1C	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Nam Sơn, Ba chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
82	Sái Thanh Minh	23/02/2004	K8.STH2A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
83	Vi Thị Đào	13/07/2004	K8.STH2A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
84	Trương Thị Mỹ Hoa	01/06/2004	K8.STH2A	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Hải Lạng, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
85	Trần Minh Nguyệt	20/01/2004	K8.STH2A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
86	Nình Thị Bích Thơm	06/04/2004	K8.STH2A	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Húc Động, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
87	Hoàng Thị Hồng Ánh	05/10/2004	K8.STH2B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
88	Nguyễn Mai Giang	15/01/2003	K8.STH2B	Sư phạm	DT Sán dìu - KV II Miền núi, TT An Châu, Sơn Động, Bắc Giang	140.000	6	840.000
89	Trần Thu Hoài	02/01/2004	K8.STH2B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
90	Vi Thị Minh Thư	25/03/2004	K8.STH2C	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
91	Hoàng Thị Nụ	24/10/2004	K8.STH2C	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
92	Lỷ Thị Nguyên	29/08/2003	K7.SMN1	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
93	Sằn Thị Hồ	14/01/2003	K7.SMN1	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Hải Sơn, Móng cái, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
94	Nịnh Thị Hoa	14/12/2003	K7.SMN1	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Nam Sơn, Ba chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
95	Giáp Thị Minh	03/02/2004	K8.SMN 2	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
96	Trưởng Thị Kiều Mai	10/09/2004	K8.SMN 2	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng Đức, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
97	La Thị Xuân	17/02/2004	K8.SMN 2	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Tình Húc, Bình Liêu ,Quảng Ninh	140.000	6	840.000
98	Trần Thị Nga	28/02/2004	K8.SMN 2	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
99	Nông Tiến Thành	21/04/2002	K7.TS6	Thủy sản	DT Tày - KV I Miền núi, Hải Lạng, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
100	Long Tiến Thành	29/01/2003	K7.TS6	Thủy sản	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Hải Lạng, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
101	Tô Thị Yến	30/05/2004	K8.TS7	Thủy sản	DT tày - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
102	Nông Ngọc Hành	05/11/2005	K9.KM9	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Quan Sơn, Chi Lăng, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
103	Triệu Đức Lương	03/12/2005	K9.CT1A	CNTT	DT Dao - KV I Miền núi, Bằng Cả, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
104	Tô Thị Hồng Minh	12/01/2005	K9.KS8C	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Xuất Lễ, Cao Lộc, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
105	Ân Thị Quỳnh	01/08/2004	K8.LH8C	Du lịch	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
106	Voòng Thị Thanh Thu	21/10/2004	K8.LH8C	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Hà Lâu, Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	140.000	6	840.000
107	Bàng Thị Ngọc Ánh	06/03/2005	K9.LH9A	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Bằng Cả, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
108	Đặng Khánh Duy	05/07/2005	K9.LH9C	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Kỳ Thượng, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
109	Lý Thị Thùy Dương	31/12/2005	K9.LH9D	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
110	Lò Thị Hoa	10/10/2002	K9.LH9D	Du lịch	DT Thái - KV I Miền núi, Mường Khoa, Tân Uyên, Lai Châu	140.000	6	840.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
111	Hoàng Thị Diệu Nga	16/07/2005	K9.AU6A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Tâm, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
112	Nông Diệu Hương	21/03/2005	K9.AU6A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
113	Trần Thị Liên	20/08/2005	K9.AU6B	Du lịch	DT Hoa - KV I Miền núi, Đài Xuyên, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
114	Đặng Thùy Linh	14/06/2005	K9.QK2A	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Sơn, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
115	Tòng Thị An	28/04/2004	K8.NA8D	Ngoại ngữ	DT Thái - KVIII Miền núi, Quài Tở, Tuần Giáo, Điện Biên	140.000	6	840.000
116	Lỷ Thu Thủy	13/01/2003	K8.TQ8C	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Quảng An, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
117	Từ Thị Mỹ Lệ	01/09/2004	K8.TQ8D	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
118	Đà Thị Tâm	20/05/2004	K8.TQ8E	Ngoại ngữ	DT Mường - KV I Miền núi, Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	140.000	6	840.000
119	Nông Ngọc Lam	14/09/2005	K9.TQ9A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đại Đồng, Tràng Định, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
120	Phùng Thị Phượng	20/10/2005	K9.TQ9A	Ngoại ngữ	DT Nùng - KVIII Miền núi, Bạch Đích, Yên Minh, Hà Giang	140.000	6	840.000
121	Từ Thị Mỹ Duyên	23/02/2005	K9.TQ9B	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
122	Hoàng Thị Thanh Lam	02/12/2005	K9.TQ9B	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
123	Lài Thị Thu Thương	23/02/2005	K9.TQ9H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh	140.000	6	840.000
124	La Thị Phương	27/09/2005	K9.TQ9D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
125	Triệu Thanh Hoa	31/07/2005	K9.TQ9F	Ngoại ngữ	DT Nùng - KV I Miền núi, Tân Liên, Cao Lộc, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
126	Lỷ Thanh Hương	21/07/2005	K9.TQ9G	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng Ann, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
127	Trưởng Thị Minh Huệ	16/09/2005	K9.TQ9G	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng Đức, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
128	Hoàng Thị Thanh Thúy	03/04/2005	K9.TQ9E	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
129	Hoàng Hương Lưu Ly	07/10/2005	K9.TQ9E	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Phong Dụ, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
130	Chu Thị Tuyết Nhàn	05/12/2005	K9.TQ9F	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
131	Nông Thị Tố Uyên	19/01/2005	K9.HQ5C	Ngoại ngữ	DT Tày - KV III Miền núi, Tân Minh, Tràng Định, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
132	Hoàng Thị Hoa	26/12/2005	K9.SMN3A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
133	Hoàng Thu Hà	24/12/2005	K9.SMN3A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Lương Mông, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
134	Trương Thị Tuyết	10/01/2005	K9.SMN3A	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Thanh Lâm, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
135	Vi Thị Thanh Lam	03/04/2005	K9.SMN3B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Lương Mông, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
136	Đinh Thị Thanh Trúc	11/04/2005	K9.SMN3B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
137	Bàn Thị Yên	15/08/2005	K9.SMN3B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Lương Mông, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
138	Mạ Thúy Nga	25/11/2005	K9.SMN3B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Tâm, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
139	Trương Thị Thơm	25/05/2005	K9.STH3A	Sư phạm	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Hải Lạng, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
140	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/09/2005	K9.STH3A	Sư phạm	DT Tày - KV III Miền núi, Vĩnh An, Sơn Động, Bắc Giang	140.000	6	840.000
141	Nông Thị Kim Thoa	22/11/2005	K9.STH3C	Sư phạm	DT Tày - KV III Miền núi, Vĩnh An, Sơn Động, Bắc Giang	140.000	6	840.000
142	La Thị Ngọc Linh	05/10/2005	K9.STH3C	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
143	Triệu Hiền Linh	07/04/2005	K9.STH3C	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
144	Hoàng Thị Xoan	21/01/2005	K9.VBC2	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
145	Đặng Thị Vân	06/08/2005	K9.CM22	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
146	Hoàng Thùy Dương	01/07/2005	K9.CM22	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
147	Triệu Hoàng Lân	04/06/2004	K9.VH9	Văn hóa	DT Dao - KV I Miền núi, Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000
148	Trần Thị Phương	15/09/2005	K9.TQ9B	Ngoại ngữ	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Quảng Tân, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
149	Chu Thị Hà	04/02/2005	K9.TQ9B	Ngoại ngữ	DT Nùng - KV I Miền núi, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn, Lạng Sơn.	140.000	6	840.000
150	Hoàng Đình Huân	25/09/2004	K9.LH9D	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, TT Vị Xuyên, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	140.000	6	840.000
151	Lộc Thị Hoàn	06/02/2006	DH10TQ10A	Ngoại ngữ	DT Nùng - KV III Miền núi, Minh Hiệp, Lộc Bình, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
152	Hoàng Kim Oanh	25/02/2006	DH10TH04B	Sư phạm	DT Nùng - KV III Miền núi, Hưng Đạo, Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	140.000	6	840.000
153	Triệu Thị Duyên	21/08/2005	K9.MT8	Môi trường	DT Dao - KV I Miền núi, Tân Dân, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
154	Đinh Thị Thảo	14/01/2005	DH10VA3A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
155	Hà Minh Triều	19/12/2006	DH10VH10B	Văn hóa	DT Thái - KV I Miền núi, Nghĩa An, Nghĩa Lộ, Yên Bái; Hộ nghèo	140.000	6	840.000
156	Trần Ngọc Linh	10/05/2006	DH10LH10E	Du lịch	DT San Chỉ - KVIII Miền núi, Lệ Viễn, Sơn Động, Bắc Giang	140.000	6	840.000
157	Nông Thị Thùy	03/05/2005	DH10ST01A	CNTT	DT Tày - KV III Miền núi, Tiên Thành, Quảng Hòa, Cao Bằng.	140.000	6	840.000
158	Ngôn Thị Kiều Ly	21/05/2006	DH10TQ10E	Ngoại ngữ	DT Tày - KV III Miền núi, Khâm Thành, Trùng Khánh, Cao Bằng	140.000	6	840.000
159	Nguyễn Thị Dương Liễu	14/04/2005	K9.TQ9A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV III Miền núi, Quan Hán, Trùng Khánh, Cao Bằng	140.000	6	840.000
160	Nông Thị Thu Loan	19/07/2006	DH10TQ10D	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Y Tịch, Chi Lăng, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
161	Triệu Hữu Tâm	02/12/2004	K8.TQ8C	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Tân Dân, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
162	Đặng Thị Ánh Tuyết	10/10/2006	DH10TQ10C	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
163	Lỳ Thị Thương	16/08/2006	DH10TQ10C	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Phong Dụ, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
164	Lâm Huy Long	16/08/2005	DA10SA01A	Ngoại ngữ	DT Sán Chỉ - KV III Miền núi, Sa Lý, Lục Ngạn, Bắc Giang	140.000	6	840.000
165	Phùn Thị Nguyệt	17/01/2006	DH10TQ10H	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Vô Ngại, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
166	Hoàng Thị Oanh	28/08/2003	K7.HQ3B	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Cộng Hòa, Cẩm Phả, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
167	Chìu Thị Thủy	16/02/2006	DH10TQ10D	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng Lâm, Đầm Hà, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
168	Hoàng Tiến Đạt	09/02/2006	DH10TQ10A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
169	Lương Mạnh Bách	16/03/2006	DH10LH10F	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Tâm, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
170	Lục Văn Hải	08/07/2006	DH10MT10A	CNTT	DT Sán Chỉ - KV I Miền núi, Húc Động, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
171	Tằng Chăn Quân	11/01/2006	DH10LH10C	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Hà Lâu, Tiên Yên, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
172	Lỳ Thu Thảo Vi	21/02/2006	DH10AU07C	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng An, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
173	Lỳ Thị Bích Sen	28/11/2006	DH10TQ10A	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng An, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
174	Triệu Thúy Hồng	11/02/2006	DH10TH04B	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng An, Đầm Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
175	Đinh Khánh Ly	23/06/2006	DH10TH04A	Sư phạm	DT Mường - KV III Miền núi, Nhân Mỹ, Tân Lạc, Hòa Bình.	140.000	6	840.000
176	Chìu Thị Hảo	09/11/2006	DH10LH10B	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
177	Hoàng Văn Dũng	14/01/2006	DH10TT02C	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
178	Hoàng Tiến Tùng	22/11/2006	DH10TQ10H	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
179	Mạ Lập Duy Khánh	18/08/2005	DH10TQ10H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
180	La Ngọc Hưởng	29/12/2006	DH10TQ10H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
181	Triệu Thùy Vân	28/04/2006	DH10TH04C	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
182	Nịnh Thị Chúc	22/02/2006	DH10TH04A	Sư phạm	DT Sán Chỉ - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
183	Lăng Khánh Huyền	14/08/2006	DH10SV01A	Sư phạm	DT Nùng - KV I Miền núi, Hòa lạc, Hữu Lũng, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
184	Hoàng Thanh Điệp	29/10/2006	DH10KD03B	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Đồng Văn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
185	La Thị Linh	15/02/2006	DH10TH04A	Sư phạm	DT Sán Chỉ - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
186	Tằng Kỳ Diệu	09/01/2006	DH10MN04A	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Quảng Đức, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
187	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	07/03/2006	DH10LH10C	Du lịch	DT Tày - KV III Miền núi, Vĩnh An, Sơn Động, Bắc Giang	140.000	6	840.000
188	Ngô Hương Quỳnh	21/02/2006	CD10MN10A	Sư phạm	DT Sán Dìu - KV I Miền núi, Bình dân, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
189	Bàn Thị Tâm Bình	08/05/2006	CD10MN10A	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Kỳ Thượng, Hạ Long, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
190	Lý Thị Thùy Linh	13/11/2005	DH10TH04C	Sư phạm	DT Sán Chí - KV III Miền núi, Sa Lý, Lục Ngạn, Bắc Giang	140.000	6	840.000
191	Hoàng Thế Kỳ	22/02/2006	DH10ST01A	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
192	Lương Khánh Linh	01/01/2006	DH10ST01A	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
193	Nguyễn Như Ngọc	20/02/2006	DH10KD03A	Du lịch	DT Dao - KV I Miền núi, Dân Chủ, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
194	Nguyễn Thùy Linh	15/03/2005	K9.STH3B	Sư phạm	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
195	Nình Thị Duyên	28/03/2003	K9.NA9B	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
196	Nguyễn Thị Khánh Huyền	25/06/2005	K9.STH3B	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
197	Trần Tuấn Anh	23/04/2006	DH10HQ06A	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Bình Dân, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
198	Hoàng Thị Ngàn Sao	20/06/2006	DH10KD03A	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Hà Lâu, Tiên yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
199	Chu Thị Ngọc Linh	16/12/2006	DH10AU07C	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Tam Dị, Lục Nam, Bắc Giang	140.000	6	840.000
200	Trương Thị Huyền Chân	04/11/2005	K9.STH3A	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Bằng Cả, Hạ Long, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
201	Chu Quốc Huy	08/06/2006	DH10TT02B	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
202	La Ngọc Thùy Linh	10/10/2006	DH10VH10B	Văn hóa	DT Tày - KV I Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu, Quảng Ninh.	140.000	6	840.000
203	Phùn Thị Tố Trinh	09/05/2006	DH10TH04C	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Phong Dụ, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
204	Nịnh Văn Phú	13/09/2006	DH10AU07A	Du lịch	DT Sán Chỉ - KV I Miền núi, Phong Dụ, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
205	Bùi Thị Huyền	30/08/2006	DH10TT02D	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, Tràng Lương, Đông Triều, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
206	Đặng Thị Thương	24/09/2005	K9.HQ5C	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
207	Nguyễn Thị Việt Hà	06/02/2006	DH10TQ10H	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Minh Cầm, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
208	Hoàng Ngọc Hà	21/09/2006	DH10AN10A	Ngoại ngữ	DT Cao Lan - KV II Miền núi, Chi Thiết, Sơn Dương, Tuyên Quang	140.000	6	840.000
209	Đặng Thị Oanh	03/05/2006	CD10MN10A	Sư phạm	DT Dao - KV I Miền núi, Đồng Sơn, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
210	Hoàng Ánh Dương	21/11/2006	DH10TH04B	Sư phạm	DT Tày - KV I Tày, Dân Chủ, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
211	Liêu Thị Thu Huệ	28/04/2006	DH10TQ10B	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Bình dân, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
212	Trần Thu Trà	05/09/2006	DH10TQ10E	Ngoại ngữ	DT Tày - KV III Miền núi, Nam Quan, Lộc Bình, Lạng Sơn	140.000	6	840.000
213	Ngô Vĩnh Hưởng	28/05/2006	DH10TT02C	CNTT	DT Tày - KV I Miền núi, TT Bình Liêu, Bình Liêu, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
214	Lài Diệu Ly	28/01/2006	DH10VH10A	Văn hóa	DT Tày - KV I Miền núi, Tràng Lương, Đông Triều, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
215	Hoàng Thị Ngọc	12/12/2005	K9.TQ9G	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Quảng Phong, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
216	Trương Thị Khánh Nguyên	17/05/2006	DH10TQ10B	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Bình Dân, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
217	Linh Thị Biên	06/12/2006	DH10TQ10C	Ngoại ngữ	DT Dao - KV I Miền núi, Tân Dân, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
218	Hà Thị Sẹc	18/10/2006	CD10MN10A	Sư phạm	DT Tày - KV I Miền núi, Quảng Phong, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
219	Nịnh Tiến Thành	18/04/2006	DH10AN10E	Ngoại ngữ	DT Sán Chay - KV I Miền núi, Đạp Thanh, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
220	Lưu Thị Thúy Nga	02/06/2006	DH10TQ10G	Ngoại ngữ	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Bình Dân, Vân Đồn, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
221	Hoàng Thị Ngọc	29/12/2006	DH10KD03B	Du lịch	DT Tày - KV I Miền núi, Quảng Phong, Hải Hà, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
222	Phan Như Quỳnh	03/01/2005	K9.TQ9E	Ngoại ngữ	DT Cao lan - KV II Miền núi, Đông Thọ, Sơn Dương, Tuyên Quang	140.000	6	840.000
223	Trần Văn Tuấn	15/02/2005	K9.CT1B	CNTT	DT Sán dìu - KV I Miền núi, Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
224	Triệu Kim Sơn	21/04/2005	K9.TS8	Thủy sản	DT Dao - KV I Miền núi, Đồn Đạc, Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp		Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng được trợ cấp	Thành tiền
225	Đinh Thị Huyền Trang	27/11/2005	K9.TQ9A	Ngoại ngữ	DT Tày - KV I Miền núi, Tiên Lãng, Tiên Yên, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
226	Nịnh Thị Kim Cương	27/11/2006	DH10VH10B	Văn hóa	DT Sán chỉ - KV I Miền núi, Thanh Sơn, Ba Chẽ, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
227	Vi Quang Huy	26/11/2003	K7.TQ7B	Ngoại ngữ	DT Tày - KVI Miền núi, Dân Chủ, Hạ Long, Quảng Ninh	140.000	6	840.000
228	Lại Hồng Linh	02/10/2004	K8.TQ8E	Ngoại ngữ	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
229	Phạm Thùy Linh	04/04/2004	K8.TQ8E	Ngoại ngữ	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
230	Lại Thu Huyền	10/06/2003	K7.HQ3A	Ngoại ngữ	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
231	Phạm Thúy Hồng	09/05/2003	K7.LH7A	Du lịch	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
232	Phạm Huy Kiệt	30/10/2004	K9.LH9B	Du lịch	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
233	Nguyễn Văn Bách	19/09/2004	K8.KM8A	CNTT	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
234	Hứa Ban Mai	26/04/2005	K9.TQ9A	Ngoại ngữ	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
235	Nguyễn Ngọc Ánh	22/01/2005	K8.LH8A	Du lịch	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
236	Trần Thị Tân	10/03/2005	K9.LH9B	Du lịch	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
237	Nguyễn Bách Diệp	19/12/2005	K9.LH9A	Du lịch	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
238	Phan Hồng Diệp	11/09/2006	DH10TQ10I	Ngoại ngữ	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
239	Tùng Bá Thiện	05/03/2006	DH10LH10A	Du lịch	Mồ côi cả cha và mẹ	100.000	6	600.000
240	Nguyễn Thị Xuân Dung	24/06/2003	K7.TQ7B	Ngoại ngữ	Hộ nghèo 2024	100.000	6	600.000
241	Trần Thị Bình	17/07/2003	K7.TQ7H	Ngoại ngữ	Hộ nghèo 2024	100.000	6	600.000
242	Trần Anh Thư	29/11/2005	K9.STH3C	Sư phạm	Hộ nghèo 2024	100.000	6	600.000
Tổng								**199.680.000**

Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng./.